

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH AN GIANG

Bản án số: 104 /2019/DS-PT

Ngày: 19/6/2019

V/v Chia thừa kế - Thực hiện
nghĩa vụ tài sản do người chết để
lại.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Huyền Trân

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh

Ông Cao Minh Lễ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Tường Vi - Cán bộ Tòa án tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 đến ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “ Chia di sản thừa kế - thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 188/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định xét xử phúc thẩm số 75 /2018/DSPT ngày 05 tháng 3 năm 2018, Thông báo mở lại phiên tòa số giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1962 và Chị Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/11/2006. Cùng cư trú: số 70/4, đường Nguyễn Thị Đ, tổ 2C, khu phố 1, phường Hiệp Th, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật của chị D: Ông Trần Văn H – cha ruột

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1961, Bà Nguyễn Thị Bích Thạ, sinh năm 1957. Cùng cư trú: Số 100/3, đường số 3, phường 16, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952. Cư trú: Tổ 8, ấp Bình An 2, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền của ông Th, bà T: bà Nguyễn Thị Bích Thạ, sinh năm 1957

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1931. Cư trú: ấp Bình An 2, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Người đại diện ủy quyền của ông B: bà Nguyễn Thị Ngh, sinh năm 1959

Cư trú: phường Thốt N, quận Thốt N, thành phố Cần Thơ.

Ông Nguyễn Ngọc Kh, sinh năm 1962 và Bà Lê Thị L, sinh năm 1960

Cùng cư trú: số 190, tổ 9, ấp Bình An 1, xã Hòa A, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

-Người kháng cáo :

+ Ông Trần Văn H là nguyên đơn

+ Ông Nguyễn Văn B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

(Ông H, bà Ngh, ông Kh, bà L có mặt còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

1. Nguyên đơn Trần Văn H và Chị Trần Nguyễn Ngọc D trình bày yêu cầu khởi kiện:

Ông H và bà Nguyễn Thị Kim Ch có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 255, Quyền số 01/2007, do UBND phường Hiệp Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 21-11-2007. Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc D sinh năm 2006.

Bà Nguyễn Thị Kim Ch thừa hưởng từ gia đình của ông Lê Văn T (đã chết) là chồng trước của bà Ch phần đất ruộng có diện tích 7.416m² và bà Ch được UBND huyện Châu Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984.QSDĐ/cG, cấp ngày 19/9/2000, Mục đích sử dụng đất 2L; Thửa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448; Tờ bản đồ số 01. Đất tọa lạc ấp Bình An 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Qua đo đạc thực tế diện tích đất trên giảm 1.106m² là do mức kênh. Hiện diện tích đất trên chỉ còn lại 6.310m² tại các điểm 32, 34, 35, 36, 40, 41, 42, 43 và 45 của Bản đồ hiện trạng ngày 29/3/2017. Phần đất trên hiện do ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Bích Thạ, ông Nguyễn Văn B quản lý và canh tác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên hiện do ông Nguyễn Văn Th bà Nguyễn Thị Bích Thạ giữ thể hiện qua “Giấy xác nhận” ngày 29-5-2014 có ông Th ký tên xác nhận có ông Võ Thanh H và ông Đỗ Văn C ký tên chứng kiến.

Ngày 04-11-2013, bà Nguyễn Thị Kim Ch lập di chúc tại Văn Phòng Công chứng Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung để lại cho ông Trần Văn H, sinh năm 1962 và Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22-11-2006 được thừa kế di sản do bà Ch để lại là quyền sử dụng đất diện tích 7.416m²; Mục đích sử dụng: 2L; Thửa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448; Tờ bản đồ số 01; Đất tọa lạc ấp Bình An 1, xã An Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã được UBND huyện Châu Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984 QSDĐ/cG, cấp ngày 19-9-2000, đứng tên bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1965. Đã được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th, tỉnh An Giang đính chính thành Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1964 vào ngày 31-10-2013.

Ngày 27-5-2014, bà Ch chết theo Giấy chứng tử số 96/2014, Quyền số 01/2014 do UBND phường Hiệp Th, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 17-9-2014.

Sau khi bà Ch chết, ông nhiều lần liên hệ gia đình bà Ch để nhận di sản thừa kế nhưng không thành.

Nay ông yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc đối với di sản thừa kế do bà Nguyễn Thị Kim Ch để lại.

Yêu cầu ông Th, bà Thạ giao lại cho ông quản lý đất canh tác và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984.QSDĐ/cG bản chính, do UBND huyện Châu Th cấp ngày 19-9-2000, đứng tên bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1965. Đã được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th, tỉnh An Giang đính chính thành Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1964 vào ngày 31-10-2013.

Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông và con D thực hiện nghĩa vụ mai táng gồm tiền thuốc, chi mai táng, mồ mã tổng cộng là 60.000.000đ. Ông xác định bà T thực hiện việc chôn cất và làm mồ mã cho bà Ch, ông đồng ý tiền hòm rương, tiền vật tư khâm liệm, tiền làm mồ mã tổng cộng là 35.000.000 đồng, các chi phí khác ông không đồng ý. Nếu bà T cung cấp đầy đủ chứng cứ thì theo phán quyết của Tòa án.

Đối với yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu ông và D thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Ch để lại cụ thể: Về hợp đồng cầm cố đất giữa bà Ch với bà Th, ông xác định có và ông đã trả cho bà Th 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Về việc bà Ch vay 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999 và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Th, ông xác định ông Th, bà Thạ có giữ của bà Ch giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, còn việc vay vàng ông có biết, nhưng ông đã trả và không có chứng cứ chứng minh. Ông không đồng ý yêu cầu này của ông Th, bà Thạ.

Đối với việc hoán đổi đất giữa bà Nguyễn Thị Kim Ch với ông Nguyễn Ngọc Kh, bà Lê Thị L ông xác nhận đất của ông Kh, bà L có diện tích 8.442m² tại các điểm 35, 36, 37, 38, 39, 22, 21, 23, 24 và 25 của Bản đồ hiện trạng ngày 29-3-2017. Diện tích tăng 2.022m² là do ông Kh và bà L san lấp ao địa. Ông không tranh chấp vị trí thửa đất, diện tích đất với ông Kh, bà L. Ông H yêu cầu hai bên tự giải quyết.

Đối với yêu cầu được hưởng di sản không phụ thuộc vào di chúc của ông Nguyễn Văn B, ông đồng ý. Ông không yêu cầu ông B có nghĩa vụ chịu chi phí mai táng, nghĩa vụ trả số vàng bà Thạ.

2. Bị đơn trình bày:

2.1 Bà Nguyễn Thị T trình bày yêu cầu phản tố:

Trước khi bà Ch chết khoảng 10 ngày bà T là chị gái của Ch có đưa Ch từ nhà ông Trần Văn H là chồng của Ch về chăm sóc, khi đó Ch bệnh ung thư giai đoạn cuối. Ngày 27-5-2014, Ch chết. Bà T lo toàn bộ tiền thuốc, đám tang cũng như chôn cất, làm mồ mã cho Ch gồm các khoản như sau:

- Tiền thuốc trước khi Ch chết: 10.000.000 đồng
- Tiền mua hòm: 12.000.000 đồng
- Tiền mua vật tư khâm liệm người chết: 5.000.000 đồng
- Tiền lo đám tang: 15.000.000 đồng
- Tiền làm mồ mã: 18.000.000 đồng

Tổng cộng là: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

Nay bà yêu cầu ông Trần Văn H và Trần Nguyễn Ngọc D có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T các chi phí mai táng khi bà Ch chết là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

2.2 Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Bích Th a trình yêu cầu phản tố:

Hiện bà Thạ, ông Tho và ông B đang quản lý và canh tác phần đất của bà Nguyễn Thị Kim Ch được UBND huyện Châu Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984.QSDĐ/cG, cấp ngày 19/9/2000.

Vào năm 1997, bà Ch có cổ phần đất trên cho bà Lê Thị L giá 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999. Cuối năm 2000, bà L yêu cầu bà Ch chuộc lại đất nhưng bà Ch không có tiền nên yêu cầu bà Thạ nhận cổ lại phần đất đó để có vàng trả lại tiền cổ đất cho bà L. Bà Thạ, bà Ch và bà L có gặp nhau cùng thỏa thuận thống nhất bà Thạ trả 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999 thay cho bà Ch đồng thời bà Thạ nhận lại đất canh tác và bà Thạ giao lại đất cho ông Nguyễn Văn B là cha ruột để ông B cho thuê đất lấy tiền tiêu xài dưỡng già. Cùng thời gian đó, bà Ch có hỏi mượn thêm bà 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999 để trả nợ, khi cho mượn vàng có mặt bà L, đồng thời bà Ch đưa bà giữ giấy chứng nhận QSDĐ bản chính để làm tin cho đến năm 2014, bà Ch có hỏi mượn bà giấy đỏ để đưa cho người mua đất xem, bán đất được bà Ch sẽ trả lại bà 40 chỉ vàng. Do bán đất không được nên ngày 29/5/2014, ông H tự nguyện giao lại giấy chứng nhận QSDĐ bản chính cho ông Th giữ và ông Th có viết “Giấy xác nhận” cho ông H ký tên, có ông Võ Thanh H và ông Đỗ Văn C ký tên chứng kiến.

Nay ông Th và bà Thạ yêu cầu ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D thay nghĩa vụ của bà Ch trả lại cho ông bà 40 chỉ vàng 24 kara loại 9999.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn B trình bày yêu cầu độc lập:

Ông là cha ruột của Nguyễn Thị Kim Ch. Chỉ có chồng tên Lê Văn T và được cha mẹ chồng cho một phần đất nông nghiệp có diện tích 7.416m² tọa lạc tại xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Sau đó T chết, Ch kết hôn lần thứ 2 với ông H.

Năm 1997, con Ch có cổ phần đất trên cho cháu Lê Thị L chị gái của T, giá cổ 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999.

Ngày 19/9/2000, con Ch được UBND huyện Châu Th cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984.QSDĐ/cG, diện tích 7.416m², Mục đích sử dụng 2L, Thửa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, Tờ bản đồ số 01, Đất tọa lạc ấp Bình An 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Cuối năm 2000, cháu L yêu cầu Ch chuộc lại đất, Ch không có tiền nên yêu cầu con Nguyễn Thị Bích Thạ là chị gái thứ 4 của Ch nhận cổ lại phần đất đó. Thạ và Ch đã gặp cháu L trả 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999 để Thạ nhận lại đất canh tác, Thạ không canh tác mà giao cho ông giữa đất cho thuê đất để lấy tiền tiêu xài dưỡng già.

Ngày 27/5/2014 con Ch chết. Ông B yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế của con Ch để lại theo quy định pháp luật.

3.2 Ông Nguyễn Ngọc Kh, bà Lê Thị L trình bày:

Bà L là chị của ông T đã chết, phần đất ông H yêu cầu tranh chấp có nguồn gốc là tài sản của cha mẹ cho em T diện tích đất nông nghiệp 10 công tầm cắt. Sau khi cha mẹ qua đời chị em có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha mẹ, mỗi người hưởng ½ diện tích, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994. Bà L và ông T có thỏa thuận hoán đổi vị trí đất có hiện trạng như hiện nay.

Năm 1995, em T chết, năm 1997 bà Ch đem đất cổ cho bà phần đất của em T hưởng, giá cổ 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999. Đến năm 2000, bà yêu cầu Ch chuộc lại đất,

do bà Ch không có vàng nên thỏa thuận thống nhất bà Thạ là chị bà Ch đưa cho bà Ch mượn để trả cho bà L 20 chỉ vàng 24 kara loại 9999, đồng thời bà Thạ giữ giấy chứng nhận QSDĐ bản chính và giữ đất canh tác, không lập thành văn bản.

Hiện tại ông Kh và bà L không có yêu cầu độc lập.

Tại bản án số 188/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang xét xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin chia di sản thừa kế theo di chúc của nguyên đơn ông Trần Văn H, chị Trần Nguyễn Ngọc D do ông H là người đại diện theo pháp luật.

[1.1] Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D được chia di sản thừa kế phần đất có trị giá là 93.917.000đ (chín mươi ba triệu chín trăm mười bảy ngàn đồng).

[1.2] Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Bích Thạ và ông Nguyễn Văn B giao lại cho ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D phần đất có diện tích 6.310m² tại các điểm 32, 34, 35, 36, 40, 41, 42, 43 và 45 của Bản đồ hiện trạng ngày 29-3-2017 đã được thay thế Bản đồ hiện trạng ngày 01-12-2017, theo Công văn số 156/CV-TA ngày 10-11-2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th; Đất tọa lạc ấp Bình An 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang; Thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số R 795682, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984.QSDĐ/cG do UBND huyện Châu Th cấp 19-9-2000, đứng tên bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1965. Đã được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th, tỉnh An Giang đính chính thành Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1964 vào ngày 31-10-2013; Mục đích sử dụng: 2L; Thừa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448; Tờ bản đồ số 01.

[1.3] Buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Bích Thạ giao lại cho ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa Số R 795682, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00984.QSDĐ/cG do UBND huyện Châu Th cấp 19-9-2000, đứng tên bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1965. Đã được Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Châu Th, tỉnh An Giang đính chính thành Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm 1964 vào ngày 31-10-2013; Diện tích 7.416m²; Mục đích sử dụng: 2L; Thừa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448; Tờ bản đồ số 01.

[2] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D trả cho bà Nguyễn Thị T 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

[3] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích Thạ

Buộc ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D trả cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích Thạ 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24 kara loại 9999.

[4] Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D chia cho ông Nguyễn Văn B 26.833.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[5] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

[6] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Văn H, chị Trần Nguyễn Ngọc D liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[7] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, chị Trần Nguyễn Ngọc D đối với anh Nguyễn Văn K.

[8] Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D chịu chi phí đo đạc là 2.614.000 đồng (hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng). Ông H, chị D đã nộp xong.

[9] Về án phí dân sự:

[9.1] Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D phải chịu 4.695.000 đồng (93.917.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm, 9.250.000 đồng án phí của chi phí mai táng và nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đã được trừ vào phần di sản, ông H chị D được nhận toàn bộ phần di sản nên phải nộp phần án phí này, tổng cộng là 13.945.000 đồng, được khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008654 ngày 13-11-2015 của Chi Cục Thi hành án Dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D còn phải nộp thêm 8.945.000 đồng (tám triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

[9.2] Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000186 ngày 05-9-2016 của Chi Cục Thi hành án Dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

[9.3] Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích Thạ 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000185 ngày 05-9-2016 của Chi Cục Thi hành án Dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

[9.4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 01 năm 2017 nguyên đơn ông Trần Văn H và ngày 12/01/2018 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm số 188/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang không kháng nghị.

Xét kháng cáo của đương sự, đối chiếu với toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả đã được thẩm tra công khai chứng cứ tại tòa phúc thẩm, lời khai của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. Trên cơ sở xem xét toàn diện và sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

-Về tố tụng vụ án:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/01/2018 ông Trần Văn H kháng cáo, ngày 12/01/2018 ông Nguyễn Văn B kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn ông Trần Văn H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, và có thay đổi yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn không có kháng cáo và vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm tòa án nhân dân tỉnh An Giang những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của ông B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 188/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét nội dung của vụ án và căn cứ lời khai nhận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

-Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo ông Nguyễn Văn B tự nguyện rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Ông Trần Văn H rút lại một phần nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu xem xét đối với nội dung thực hiện nghĩa vụ thay bà Ch hoàn trả cho bà Th và ông Th 40 chỉ vàng 24kr (9999). Thay đổi giá trị đất của di sản hiện nay có giá trị là 35.000 đồng / 1m² theo biên bản định giá của cấp phúc thẩm.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kim Ch chết năm 2014 đến năm 2015 ông H có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, cấp sơ thẩm đã xác định còn thời hiệu thừa kế của bà Ch là có căn cứ .

Về hàng thừa kế được hưởng di sản của bà Nguyễn Thị Kim Ch gồm có cha ruột là ông Nguyễn Văn B và chồng là ông Trần Văn H và con là Trần Nguyễn Ngọc D, bà Ch không có con nuôi và con riêng, cấp sơ thẩm xác định người được hưởng di sản của bà Ch gồm có ông B, ông H và chị D là có căn cứ.

Do bà Ch có di chúc chỉ định ông H và chị D được thừa hưởng di sản là diện tích đất 7.416m² đã được cấp giấy chứng nhận số 00984.QSDĐ/cG do UBND huyện Châu Th ngày 19/9/2000, Mục đích sử dụng: 2L, Thửa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, Tờ bản đồ số 01. **Di sản thừa kế của bà Ch được chia theo di chúc.** Tuy nhiên ông B được hưởng di sản của bà Ch không phụ thuộc theo di chúc, cấp sơ thẩm xác định các ông bà được hưởng di sản là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, ông H có yêu cầu đo đạc định giá trị đất thể hiện:

Tại biên bản định giá ngày 5/7/2018 có giá 35.000 đồng/1 m². Ông H yêu cầu giá trị đất 35.000 đồng/ 1 m² là có căn cứ, các đương sự khác không phản đối.

Diện tích đất đo đạc thực tế có biến động là 7.848,2m² (tăng 432,2m²) so với giấy chứng nhận QSDĐ 7.416m² đất nông nghiệp tại các điểm A,B,CD,M10,M12,M13,M14,M15,M16 theo bản vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2019.

Ông H yêu cầu xem xét đúng diện tích đã cấp trong giấy chứng nhận QSDĐ là 7.416m² đất, phần diện tích tăng 432,2m² so với giấy chứng nhận QSDĐ là do ông Kh và bà L mở rộng san lấp ao đầm trong quá trình cổ đất của bà Ch, ông H và ông Kh bà L yêu cầu tự giải quyết không xem xét.

Do đó giá trị của di sản thừa kế của bà Ch (7.416m² x 35.000 đồng/ 1m²) là 259.560.000 đồng.

Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Bích Thạ và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm giao trả đất và giấy chứng nhận QSDĐ bản chính số 00984.QSDĐ/cG do UBND huyện Châu Th cấp 19/9/2000, bà Nguyễn Thị Kim Ch, diện tích 7.416m², Mục đích sử dụng: 2L, Thửa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, Tờ bản đồ số 01, cho ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D đồng quản lý sử dụng có căn cứ.

Ông H tự nguyện rút lại yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 45.000.000 đồng nên đình chỉ xét xử phúc thẩm không xem xét.

Ông H kháng cáo yêu cầu xem xét thực hiện nghĩa vụ thay bà Ch hoàn trả cho bà Thạ và ông Th 40 chỉ vàng 24kr (9999). Ông H thừa nhận có việc bà Ch khi còn sống có nợ của bà Thạ ông Th là thật. Ông H xác định bà Ch chỉ có mượn 20 chỉ vàng 24kr và ông trực tiếp trả vàng cho bà Thạ nhưng không có biên nhận nên không cung cấp được cho cấp phúc thẩm. Đối với 20 chỉ vàng 24Kr mượn của bà Thạ để bà Ch trả vàng cổ cho bà L được bà L xác nhận tại phiên tòa là có mặt cả ba người và chính bà Thạ đã giao vàng cho bà L có mặt của bà Ch. Ông H không cung cấp được chứng cứ thể hiện ông và bà Ch đã trả 20 chỉ vàng cổ đất cho bà Thạ là có thật, ông kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ xem xét, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Như vậy, giá trị phần nghĩa vụ của bà Ch do ông H và chị D phải thay trách nhiệm hoàn trả cho bà T và hoàn trả cho bà Thạ và ông Th (45.000.000 đồng + 40 chỉ vàng). Giá vàng tại thành phố Long Xuyên tại thời điểm ngày 18/6/2019 có giá 1 chỉ vàng 24kr (9999) là 3.740.000 đồng, giá trị của 40 chỉ vàng 24 kr là 149.600.000 đồng.

Do đó, phần giá trị di sản của bà Ch sau khi khấu trừ giá trị nghĩa vụ của bà Ch phải trả cho bà T và trả cho ông Th bà Thạ thì giá trị di sản còn lại (259.560.000 đồng - 45.000.000 đồng - 149.600.000 đồng) là 64.960.000 đồng. Xác định giá trị di sản của bà Ch còn lại là 64.960.000 đồng.

Bà Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của nghĩa vụ phải hoàn trả tiền cho bà Tvà bà Thạ ông Th (149.600.000 đồng + 45.000.000 đồng) là 194.600.000 đồng, tiền án phí sơ thẩm bà Ch phải chịu là 9.730.000 đồng. Số tiền này được khấu trừ vào giá trị di sản của bà Ch nên di sản còn lại (64.960.000 đồng - 9.730.000 đồng) là 55.230.000 đồng.

Đối với giá trị hưởng di sản của ông Nguyễn Thanh B là cha của bà Ch hưởng không phải phụ thuộc vào nội dung của di chúc có thay đổi. Cụ thể phần ông B được hưởng (55.230.000 đồng x $\frac{2}{3}$ suất x $\frac{1}{3}$ người) là 12.273.333 đồng được làm tròn số là 12.273.000 đồng.

Xác định phần di sản phần của ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D được thừa hưởng có giá trị (55.230.000 đồng - 12.273.000 đồng) là 42.957.000 đồng.

Đối với phần diện tích đất di sản sau khi đo đạc thực tế có biến động so với giấy chứng nhận QSDĐ là 7.848,2m² (tăng 432,2m²). Do ông H và ông Nguyễn Ngọc Kh bà Lê Thị L không có tranh chấp và yêu cầu tự giải quyết nên không xem xét, ông Kh và bà L tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 432,2m².

[3] Về chi phí tố tụng khác:

Cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm nguyên đơn có đóng tạm ứng chi phí thẩm định định giá đất, do ông H tự nguyện chịu nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do giá trị kỷ phần thừa kế có thay đổi cấp phúc thẩm sửa về án phí sơ thẩm cho phù hợp như sau:

- Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D phải chịu:

+ Di sản thừa kế được hưởng có giá trị 42.957.000 đồng là 2.147.850 đồng.

+ Thay nghĩa vụ bà Ch có giá trị 194.600.000 đồng là 9.730.000 đồng.

Tổng cộng án phí chung phải đóng là 11.877.850 đồng

- Ông Nguyễn Văn B phải chịu phần di sản được hưởng số tiền 12.273.000 đồng là 613.650 đồng.

-Trả lại cho ông Trần văn H, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích Thạ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Từ những phân tích trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B, chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H
- Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B
- *Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 188/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang, có nội dung:*
 - **Xác định phần di sản** ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D được thừa hưởng của bà Nguyễn Thị Kim Ch là diện tích đất nông nghiệp 7.416m² Giấy chứng nhận QSDĐ số 00984.QSDĐ/cG do UBND huyện Châu Th cấp 19/9/2000 cho bà Nguyễn Thị Kim Ch, **tại các điểm A,B,CD,M10,M12,M13,M14,M15,M16 theo bản vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh An Giang xác lập ngày 24/4/2019, có giá trị là 42.957.000 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng).**
 - Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D **có trách nhiệm giao lại cho ông Nguyễn Thanh B** số tiền **12.273.000 đồng.** (Mười hai triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng).
 - Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Bích Thạ và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm giao lại đất và giấy chứng nhận QSDĐ bản chính cho ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D đồng quản lý sử dụng.
- Giấy chứng nhận QSDĐ bản chính số 00984.QSDĐ/cG do UBND huyện Châu Thành cấp 19/9/2000, bà Nguyễn Thị Kim Ch, diện tích 7.416m² Mục đích sử dụng: 2L, Thửa đất số 1444, 1445, 1446, 1447, 1448, Tờ bản đồ số 01.
- Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D liên đới trách nhiệm thay nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Kim Ch hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).
- Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D liên đới trách nhiệm thay nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Kim Ch hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích Thạ 40 (Bốn mươi) chỉ vàng 24 kara loại 9999 tương đương giá trị **149.600.000 đồng.**
- Đối với phần diện tích đất nông nghiệp có biến động tăng so với giấy chứng nhận QSDĐ là **432,2m² tạm giao cho ông Nguyễn Ngọc Kh và bà Lê Thị L tiếp tục quản lý sử dụng .**
- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, chị Trần Nguyễn Ngọc D đối với anh Nguyễn Văn K.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn H và chị Trần Nguyễn Ngọc D phải liên đới chịu án phí chung là 11.877.850 đồng. (Mười một triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi đồng)

- Ông Nguyễn Văn B phải đóng án phí là 613.650 đồng. (Sáu trăm mười ba ngàn sáu trăm năm chục đồng)

- Trả lại cho ông Trần Văn H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008654 ngày 13/11/2015 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000186 ngày 05/9/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Bích Thạ số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000185 ngày 05-9-2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

6. *Về chi phí tố tụng khác:* Cấp sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn tạm ứng chi phí và tự nguyện chịu nên không xem xét.

7. *Án phí dân sự phúc thẩm:*

- Hoàn trả cho ông Trần Văn H tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 49 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh B tiền tạm ứng án phí kháng cáo 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004149 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

Các nội dung còn lại của bản án dân sự sơ thẩm số 188/2017/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh An Giang được giữ nguyên và có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND An Giang;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Huyền Trân

